

# CẢI CÁCH TƯ PHÁP – NHỮNG THÁCH THỨC NHÌN TỪ GÓC ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN TƯ PHÁP

*Dương Thị Thanh Mai \**

Năm 2006 là năm đầu tiên xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình triển khai Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Mặc dù từ năm 2002 đến nay, theo Nghị quyết số 08 và Chỉ thị số 10 của Thủ tướng Chính phủ, mỗi cơ quan tư pháp đều đã được giao thực hiện nhiều nhiệm vụ cho thời kỳ khởi động của cải cách tư pháp nhưng phải đến lúc này, chúng ta mới cảm nhận ngày một rõ hơn, đầy đủ hơn về độ cao, bề rộng, sức nặng và chiều sâu của công cuộc cải cách tư pháp, không phải chỉ ở tầm quốc gia đại sự mà ngay trong công việc hàng ngày của mỗi cơ quan, trong nhận thức và hành động của mỗi công chức- chức danh tư pháp.

Bề rộng của cải cách tư pháp thể hiện ở quy mô, phạm vi những nội dung cải cách được xác định trong Chiến lược. Chúng ta đã nhận thức rõ ràng rằng, một thẩm phán dù sáng suốt nghiêm minh cũng không tự mình làm nên phiên toà thể hiện công lý nếu không tạo nên và làm chủ được môi trường cho sự cọ sát thật sự dân chủ, bình đẳng giữa sức mạnh buộc tội của công tố và sự gỡ tội hợp tình, hợp lý của luật sư dựa trên những chứng cứ đáng tin cậy được thu thập hợp pháp hoặc được các tổ chức nghề nghiệp như công chứng, giám định tư pháp có uy tín xác thực. Do vậy, trung tâm của hệ thống tư pháp là hoạt động xét xử của toà án sẽ chỉ có hiệu quả nếu cải cách đồng bộ những yếu tố về thể chế, về tổ chức, con người, phương pháp và phương tiện làm việc của không chỉ hệ thống toà án mà còn của tất cả các tiểu hệ thống liên quan trực tiếp như điều tra, công tố, thi hành án và các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Công lý vẫn sẽ chỉ là biểu tượng; quyền và lợi ích

của công dân, tổ chức, nhà nước vẫn sẽ chỉ được bảo vệ về nguyên tắc nếu bản án đã tuyên không được thi hành trên thực tế, nếu những oan sai, thiệt hại của công dân, tổ chức do cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền gây ra không được làm sáng tỏ, không được đền bù thoả đáng. Mỗi một nội dung cải cách, bởi vậy, không chỉ là trách nhiệm của một đảng bộ cơ quan mà còn cần đến sự nhất trí về nhận thức và sự ràng buộc hành động của toàn đảng bộ Khối chúng ta trong những mối liên kết nhiều chiều, chặt chẽ.

Nói đến sức nặng của cải cách tư pháp là nói đến yêu cầu phải thay đổi những thói quen, những nếp nghĩ, phải có lời giải đáp hợp lý cho những lợi ích đan xen, đôi khi là ngược chiều của những người chịu sự tác động của cải cách. Đấu tranh với những thói quen đã ăn sâu trong mỗi người là một cuộc cách mạng to lớn và gian khó bởi trong cuộc đấu tranh đó không thể dùng vũ lực mà thắng. Cải cách tư pháp với sự chuyển giao chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước hoặc giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội đòi hỏi thay đổi những cách làm, cách nghĩ và kéo theo đó là thay đổi những lợi ích nhất định không chỉ của một người, của một ngành mà còn của nhiều ngành trong bộ máy hành chính, bộ máy tư pháp, do vậy nên lại càng khó. Chỉ xin dẫn một ví dụ: báo chí đã tốn bao giấy mực để phản ánh nỗi khổ và những lời ca thán của người dân khi phải mất hàng ngày xếp hàng chờ đợi và chịu cảnh “cò công chúng” chỉ để xin một lời chứng vào bản hợp đồng hay một con dấu vào bản sao giấy khai sinh... Để giải quyết triệt để tình trạng đó, Nghị quyết của Đảng định hướng phải đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động công chúng, theo đó, Nhà nước chỉ tổ chức cơ

\* TS Luật học, Viện Khoa học Pháp lý, Bộ Tư pháp

quan công chúng thích hợp, bên cạnh đó sẽ có các văn phòng công chứng tự do nhằm từng bước giảm bớt gánh nặng bao cấp đã trở nên quá tải từ phía nhà nước trong lĩnh vực dịch vụ mang tính nghề nghiệp rất cổ xưa này, để người dân được thuận lợi hơn khi có việc công chứng. Vậy mà khi bắt tay vào triển khai đường lối đúng đắn đó, thì lập tức, đã thấy hiện lên đây đó bao nỗi băn khoăn lo lắng. Lo người dân không tin công chứng nếu không có con dấu mang quốc huy do cơ quan nhà nước trực tiếp làm, lo không phải “người nhà nước” thì làm không nổi... Và ở tầng sâu hơn là lo việc hàng trăm công chứng viên cùng hàng ngàn công chức phục vụ tại các Phòng Công chứng nhà nước sẽ phải tập thay đổi, thậm chí từ bỏ một số thói quen cùng những lợi ích được đảm bảo khá ổn định trong cơ chế nhà nước bao cấp hoàn toàn từ nhiều thập niên qua. Đó là những mối lo có thật, rất đời thường mà mỗi chúng ta phải nhận diện được khi làm một chính sách, một đạo luật để tính toán về các bước và giải pháp cải cách thích hợp sao cho thách thức này phải trở thành cơ hội lớn cho sự ra đời và phát triển một nghề công chứng thực thụ, chuyên nghiệp đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế thị trường trong một Nhà nước pháp quyền phục vụ nhân dân... Có thể suy rộng ra, cải cách tư pháp đặt mỗi công chức, mỗi đảng viên, mỗi đảng bộ trong Khối nội chính trước những bài toán đầy khó khăn về sự thay đổi những thói quen, lợi ích cục bộ, những băn khoăn “quyền anh, quyền tôi” không còn phù hợp bằng những cách nghĩ, cách làm mới mà đáp số đúng cuối cùng là *lợi ích của nhân dân và sự tiến bộ xã hội*.

Cái mới trong mọi cuộc cải cách không cho phép những người trong cuộc đi đến ngày mai chỉ bằng hiểu biết và kinh nghiệm của ngày hôm qua và hôm nay. Cải cách tư pháp được thực hiện trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - một mô hình chưa có tiền lệ ở Việt Nam và thế giới. Trong vài năm gần đây, đặc biệt là từ sau Đại hội Đảng IX và Hiến pháp 1992, mọi

người đã nói đến, viết đến và bàn luận khá nhiều về Nhà nước pháp quyền, về nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước, về yêu cầu cải cách đồng bộ hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp... Mừng vì ý Đảng đã và đang được chuyển tải từng bước vào đời sống lý luận và thực tiễn nhưng cũng lo vì còn nhiều điều tuy đã được khẳng định trong các nghị quyết nhưng vẫn chưa có sự luận giải tường minh cần thiết. Mỗi đảng viên, công chức hẳn đều nhận thấy điều này khi đọc Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới phân nhận thức về hệ thống chính trị. Báo cáo viết, cho đến nay chúng ta vẫn “*Chưa làm sáng tỏ tính độc lập tương đối của mỗi quyền, về sự chế ước lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực, vấn đề kiểm tra, giám sát quyền lực, bảo đảm quyền lực không bị tha hoá và bị lạm dụng. Còn chưa nhận thức đầy đủ về vấn đề làm sao để tránh chống chéo cũng như tránh lạm quyền trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, về cơ chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Nhà nước*”<sup>1</sup>. Trong bối cảnh đó, những phác thảo tổng thể có tính định hướng trung hạn của hệ thống tư pháp Việt Nam từ nay đến năm 2020 trong Chiến lược cải cách tư pháp, thực sự vẫn đang chờ đợi và cần những điểm tựa lý luận vững chắc. Chính tâm cao của công cuộc cải cách tư pháp đòi hỏi các cơ quan tham mưu trong khối nội chính không chỉ dừng lại ở những việc cụ thể, hàng ngày, trước mắt mà còn phải đầu tư cao độ cho công tác tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận nhằm góp phần xây dựng nên những chủ thuyết chính trị - pháp lý của Việt Nam làm kim chỉ nam cho sự phát triển đúng đắn và bền vững của cả hệ thống chính trị. Sẽ không là thừa khi nhắc lại lời dạy của Hồ Chí Minh: Lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận

(Xem tiếp trang 50)

<sup>1</sup> Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2005, tr. 117

dụng một quy phạm bổ sung vào Bộ luật Tố tụng Hình sự, để các cơ quan tiến hành tố tụng tùy vào các giai đoạn tố tụng tương ứng, làm căn cứ ra quyết định đình chỉ vụ án đối với người có hành vi phạm tội nhưng do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội của họ không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

Đối với các trường hợp quy định tại phần 2 khoản 1 (do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa), khoản 2,3 Điều 25 BLHS thì phải coi hành vi phạm tội của họ đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng vì được miễn trách nhiệm hình sự nên dĩ nhiên họ không bị coi là tội phạm từ sau khi được miễn trách nhiệm hình sự và đặc biệt họ chưa bị coi là có tội vì chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo Điều 72 Hiến pháp 1992 (sửa đổi).

Cần lưu ý là ở giai đoạn điều tra, truy tố và trước khi có bản án kết tội của Tòa án thì không được coi bị can, bị cáo là tội phạm mà

phải coi họ là người không phạm tội (mà mới ở giai đoạn là nghi can) cho đến khi có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (theo nguyên tắc suy đoán vô tội); như vậy mới tạo cho các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng có một quan niệm và đối xử với những nghi can một cách đạo đức, bình đẳng và đúng đắn theo quy định của pháp luật.

*Thứ hai:* chúng tôi cũng đề nghị Tòa án nhân dân Tối cao cần có sự giải thích, hướng dẫn cụ thể về thuật ngữ “Do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa” và đưa ra những ví dụ cụ thể để minh họa cho vấn đề đó, để những người làm công tác áp dụng pháp luật hiểu và áp dụng điều luật một cách chính xác, thống nhất tránh tình trạng có nhiều cách hiểu khác nhau trong cùng một điều luật, làm cho việc áp dụng pháp luật không được thống nhất và chính xác.

*(Tiếp theo trang 25- Cải cách...)*

mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động. Và quan trọng hơn cả là chúng ta gắng theo cách làm của Người sao cho lý luận không bao giờ là cái quá trừu tượng, chung chung mà luôn luôn là một cái nhìn sâu sắc và cụ thể về những con người, những vấn đề của công cuộc cải cách.

Cuối cùng, điều tôi suy nghĩ đến là chiều sâu của cải cách tư pháp. Những chuyển động ban đầu tích cực của các cơ quan tư pháp đã đem lại cho người dân những cơ sở để tin tưởng ủng hộ hướng đi đúng đắn và quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước theo mục tiêu cải cách, đó là xây dựng hệ thống tư pháp dân chủ hơn, trong sạch hơn, nghiêm minh hơn, vững mạnh và hiện đại hơn để bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc. Ý Đảng đã gặp lòng dân. Câu chuyện còn lại là ở chúng ta. Mỗi công chức trong Khối nội chính đều đang đứng trong tâm điểm của công cuộc cải cách. Khi tư pháp đã là **nghiệp** của mỗi người thì cải cách là **vận**

**hội** không của riêng ai và cũng là **thách thức** không chừa một ai, từ người đảng viên là cán bộ lãnh đạo một ngành đến nhưng công chức giữ các chức danh tư pháp, đang làm công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật. Cải cách sâu bên nhất là **tự cải cách** ở mỗi con người, bởi vì như Bác Hồ kính yêu đã dạy: Việc Tư pháp, suy cho cùng, cũng như mọi vấn đề khác lúc này, là việc ở đời và làm người.

Với nhận thức như vậy về trách nhiệm ở đời và làm người, mỗi cán bộ, công chức tư pháp cần chuẩn bị nhiều mặt để đủ sức vượt qua những thách thức trong công việc và trong đời thường. Tri thức xác đáng cho ta ý chân thành và một tâm chính để tự sửa thân từ đó mới có thể làm theo lời Bác dặn, sống như điều Bác mong: cán bộ tư pháp, hơn ai hết phải nêu tấm gương sáng “Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư”. Dân tin Đảng, tin ở Nhà nước pháp quyền, trước tiên và cụ thể nhất là tin ở việc làm của mỗi chúng ta.